

Bản án số: 07/2020/HS- PT

Ngày: 16 - 01 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuân

2. Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Lưu Thái Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:171/2019/TLPT-HS ngày 09/12/2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 142/2019/HSST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1.Bị cáo: **Trần Văn Q**, tên gọi khác: không; sinh năm 1993 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: xóm N, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công nhân được phân công quản lý bộ phận kho MM (bộ phận kho tổng của công ty SEVT, có địa chỉ tại khu công nghiệp Yên Bình, thị xã Phổ Yên); trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Th và bà Dương Thị Thn; có vợ là Ngô Thị Kim M, sinh năm 1995, vợ chồng có 02 con chung, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017; tiền án,tiền sự: không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo (Do bị cáo mời): Bà Nguyễn Thị Y là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư HH, đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Ông Hoàng Văn D là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư HH, đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

2. Bị cáo: **Nguyễn Văn Đ**; Tên gọi khác: không; sinh năm 1992 tại huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 8, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Doanh L và bà Lương Thị Thy; có vợ Phạm Thái H, sinh năm 1996, chưa có con chung; tiền án, tiền sự: không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; (Vắng mặt).

* **Bị hại:** Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam- Thái Nguyên gọi tắt Công ty SEVT. Địa chỉ: Khu Công nghiệp YB, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm: 1985;

Chức vụ: Phó phòng an ninh Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam - Thái Nguyên (SEVT); (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/6/2016, Trần Văn Q, sinh năm 1993; trú tại: xóm N, xã XP, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên ký hợp đồng lao động với công ty SamSung Electronics Việt Nam - Thái Nguyên (viết tắt là SEVT). Sau khi ký kết hợp đồng, Q được phân công về làm nhân viên bộ phận kho MM với nhiệm vụ xuất, nhập hàng RD4 gồm cáp, sạc , tai nghe battery (bộ phận kho tổng của công ty SEVT, có địa chỉ tại khu công nghiệp YB, thị xã PY) với nhiệm vụ là nhập hàng từ các công ty khác về kho của công ty SEVT và xuất hàng từ kho của công ty SEVT đi các công ty khác. Trong quá trình làm việc Q có quen biết với Nguyễn Văn Đ là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn HV, có địa chỉ tại khu công nghiệp ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nhiệm vụ của Đ là đến Công ty SEVT để nhận hàng cho công ty HV. Trong quá trình làm việc, Đ hỏi Q xem có hàng thừa trong công ty SEVT đưa cho Đ vận chuyển ra ngoài tiêu thụ lấy tiền chia nhau. Quá trình làm việc, ngày 25/12/2018, Q nhận 01 Balet có 25 thùng hàng gồm 2500 chiếc sạc pin đồng hồ Grear S4 và tiến hành nhập hàng vào hệ thống quản lý của kho MM nhưng không nhập được. Q nảy sinh ý định chiếm đoạt số hàng này để bán lấy tiền. Tối ngày 26/12/2018, Q gọi điện cho Đ nói cho Đ biết về việc có sạc Grear S4 không có trên hệ thống quản lý và có thể lấy mang ra ngoài được. Q bàn với Đ về việc Q sẽ thực hiện làm thủ tục xuất hàng là 2500 sạc Grear S4 cho công ty HV để Đ nhận hàng sau đó mang ra ngoài tiêu thụ, Đ đồng ý. Sau khi bàn bạc thống nhất với nhau, đến ngày 27/12/2018, Q làm giả phiếu xuất kho để làm thủ tục xuất 400 chiếc sạc Grear S4 cho công ty HV. Sau khi làm thủ tục xuất hàng và giấy xuất hàng thì Q giao giấy tờ và hàng cho Đ để mang ra khỏi công ty. Sau khi nhận số

hàng trên, do số lượng nhiều nên Đ đã nhờ Hoàng Văn Nh (Sinh năm 1996; trú tại: thôn 10, xã CK, huyện NT, Thanh Hóa) và Nguyễn Văn Q (Sinh năm 1991; trú tại: xóm 1, xã NT, huyện ND, Nghệ An), đều là công nhân bộ phận vận chuyển hàng của công ty HV mang 04 thùng hàng gồm 400 chiếc sạc Grear S4 nêu trên ra ngoài hộ Đ. Số hàng này sau khi ra khỏi công ty SEVT, Đ đã nhận lại rồi đem bán cho một người tên Hồng có số điện thoại 0823.729.741 (không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể) được 20.000.000 đồng. Số tiền này Đ chia cho Q số tiền 8.000.000 đồng, hưởng lợi 12.000.000 đồng và cho Nh vay 2.000.000 đồng từ số tiền này (Nh đã tự nguyện giao nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra). Sau đó, bằng hành vi, thủ đoạn tương tự, Q và Đ còn thực hiện việc xuất và nhận hàng 04 lần nữa vào các ngày 28/12/2018 (600 chiếc), ngày 02/01/2019 (400 chiếc), ngày 04/01/2019 (500 chiếc), ngày 09/01/2019 (600 chiếc), tổng số của 4 lần này là 2100 chiếc sạc pin đồng hồ Grear S4. Sau khi nhận được tài sản, Đ tiếp tục mang bán cho người đàn ông tên là H (nêu trên) được số tiền 84.000.000 đồng. Đ chia cho Q số tiền 35.000.000 đồng và hưởng số tiền 49.000.000 đồng.

Ngày 23/01/2019, bộ phận kho MM của công ty SEVT đã kiểm tra phát hiện mất 2.500 chiếc sạc Gear S4 nên công ty SEVT đã trình báo Đồn công an Yên Bình, thị xã Phổ Yên tiếp nhận vụ việc, sau đó chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Trần Văn Q và Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Q đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 43.000.000 (bốn mươi ba triệu đồng), Đ đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 189.570.000.000 đồng (Một trăm tám chín triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) để bồi thường khắc phục hậu quả cho công ty SEVT, Hoàng Văn Nh tự nguyện nộp lại số tiền 2.000.000 đồng đã vay Đ để trả Đ khắc phục hậu quả.

Tại bản kết luận định giá số 09/KLĐG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên kết luận: *Tổng số 2.500 chiếc sạc Grear S4, mã vật liệu GH98-43446A do Trần Văn Q và Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt của Công ty SEVT (là linh kiện chưa xuất xưởng, chưa qua sử dụng), trị giá là 363.140.000 đồng.*

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 142/2019/HSST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Căn cứ vào: điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Trần Văn Q 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

Căn cứ vào: điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 04/11/2019, bị cáo Trần Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/11/2019 Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngày 09/01/2020, bị cáo Đ có đơn xin rút kháng cáo. Ngày 10/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành thông báo số 01/2020/TB-TA về việc rút kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay chỉ xem xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, sửa 1 phần bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Q.

Vị luật sư bào chữa cho bị cáo Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trong đó chú ý tình tiết sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tiếp tục nộp thêm tiền để bồi thường khắc phục hậu quả. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Q xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ. Bị cáo Đ đã rút kháng cáo trước ngày mở phiên tòa nên Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo Đ. Tại phiên tòa hôm nay chỉ xem xét kháng cáo của bị cáo Q.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q thành khẩn nhận tội. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Trần Văn Q với chức trách nhiệm vụ được giao là nhân viên quản lý kho MM (kho tổng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Sam Sung Electronics Việt Nam- Thái Nguyên có địa chỉ tại khu Công nghiệp YB thuộc phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình làm việc Đ hỏi Q xem có hàng thừa trong công ty SEVT đưa cho Đ vận chuyển ra ngoài tiêu thụ lấy tiền chia nhau. Ngày 25/12/2018 Q nhập hàng thì phát hiện có 01 Balet có 25 thùng hàng gồm 2500 chiếc sạc pin đồng hồ Grear S4 không nhập được vào hệ thống quản lý tài sản của Công ty SEVT nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản trên. Ngày 26/12/2018, Q gọi điện thoại cho Đ bàn bạc thống nhất với Đ mang tài sản ra ngoài bán lấy tiền tiêu sài, Đ đồng ý. Q làm giả giấy tờ là phiếu xuất hàng kèm với các phiếu xuất hàng thật cho các Công ty làm nhiệm vụ gia công cho Công ty Sam Sung để hợp thức hóa và tránh sự phát hiện. Ngày 27/12/2018, Q làm giả phiếu xuất kho để làm thủ tục xuất 400 chiếc sạc Grear S4 cho công ty HV. Sau khi làm thủ tục xuất hàng và giấy xuất hàng thì Q giao giấy tờ và hàng cho Đ để

mang ra khỏi công ty, số hàng này sau khi ra khỏi công ty SEVT, Đ đã đem bán cho một người tên H (không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể) được 20.000.000 đồng. Số tiền này Đ chia cho Q số tiền 8.000.000 đồng, hưởng lợi 12.000.000 đồng.

Sau đó, bằng hành vi, thủ đoạn tương tự, Q còn thực hiện việc làm các hóa đơn xuất hàng không 04 lần nữa vào các ngày 28/12/2018 (600 chiếc), ngày 02/01/2019 (400 chiếc), ngày 04/01/2019 (500 chiếc), ngày 09/01/2019 (600 chiếc), tổng số của 4 lần này là 2100 chiếc sạc pin đồng hồ Grear S4 đưa cho Đ mang ra ngoài. Sau khi nhận được tài sản, Đ tiếp tục mang bán cho người đàn ông tên là Hồng (nêu trên) được số tiền 84.000.000 đồng. Đ chia cho Q số tiền 35.000.000 đồng và hưởng 49.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá kết luận: *Tổng số 2.500 chiếc sạc Grear S4, mã vật liệu GH98-43446A do Trần Văn Q và Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt của Công ty SEVT (là linh kiện chưa xuất xưởng, chưa qua sử dụng), trị giá là 363.140.000 đồng.*

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “ Tham ô tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án như đã tuyên, mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiếp số tiền 71.428.500đ để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Đây là vụ án tham nhũng, bị cáo giữ vai trò đầu vụ và bị truy tố, xét xử với tội danh tham ô tài sản; phải chịu 2 tình tiết tăng nặng định khung và chỉ được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo mức án ở đầu khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật, không có căn cứ áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và vị luật sư tại phiên tòa hôm nay theo các nội dung đã phân tích nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 142/2019/HSST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1/ Áp dụng: điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Trần Văn Q 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

2/ Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Ghi nhận việc bị cáo Q đã nộp thêm số tiền 71.428.500đ theo quyết định của bản án sơ thẩm tại biên lai thu số 0006642 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: buộc bị cáo Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm sung quỹ nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Công an T. Thái Nguyên;
- TAND TX Phổ Yên, T. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TX Phổ Yên, T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Trần Khánh Hồng